

Trà Vinh, ngày 15 tháng 4 năm 2024

Số: 36 /BC-CTCTTL

BÁO CÁO
Giám sát tài chính năm 2023

1. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

- Hệ số bảo toàn vốn: 1
- Vốn chủ sở hữu (mã 410): 2.285.216.150.413 đồng
- Trong đó:
 - + Vốn góp của chủ sở hữu: 2.285.123.264.594 đồng
 - + Quỹ đầu tư phát triển: 65.182.579 đồng
 - + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 27.083.776 đồng
 - + Nguồn vốn đầu tư XDCB: 0 đồng
- Tổng tài sản: 2.307.374.703.761 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 0 đồng

Nhiệm vụ chính của Công ty chủ yếu là hoạt động công ích, thực hiện đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, không có lợi nhuận, không nộp thuế.

2. Việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước tại doanh nghiệp

- Công ty không có đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp; không có đầu tư vốn vào công ty con, không huy động vốn và sử dụng vốn huy động.
- Tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả được quản lý, theo dõi chặt chẽ và thực hiện trích khấu hao tài sản theo quy định.
 - + Việc đầu tư mua sắm tài sản, thanh lý tài sản cố định, Công ty thực hiện theo quy chế mua sắm tài sản, vật tư hàng hóa, quản lý và sử dụng tài sản công và có thành lập Hội đồng kiểm kê, thanh lý, nhượng bán tài sản.
 - + Về tình hình nợ phải thu, nợ phải trả: Công ty luôn theo dõi chặt chẽ, Công ty có ban hành Quyết định số 202/QĐ-CTCTTL ngày 25/5/2022 của Chủ tịch Công ty Quy chế quản lý nợ của Công ty; có trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi, các khoản công nợ có làm đối chiếu xác nhận với đơn vị nợ; nợ phát sinh năm 2023 không có; các khoản nợ phát sinh từ năm 2019 trở về trước do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa quyết toán xong các công trình. Tổng nợ phải thu đến 31/12/2023 là 7.054 triệu đồng, trong đó chủ yếu là khoản phải

thu ngắn hạn khác 7.054 triệu đồng, dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 300 triệu đồng. Tổng nợ phải trả đến 31/12/2023 là 22.158 triệu đồng chủ yếu là nợ ngắn hạn chiếm 100%, trong đó phải trả ngắn hạn khác: 7.109 triệu đồng chủ yếu là nợ phải trả do giữ bảo hành công trình, giám sát tác giả, không có nợ quá hạn thanh toán.

+ Về khấu hao tài sản: Công ty đang áp dụng khấu hao tài sản theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được áp dụng theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

+ Tình hình mua sắm, thanh lý tài sản cố định, Công ty thực hiện theo quy chế mua sắm tài sản, có thành lập Hội đồng kiểm kê, thanh lý tài sản.

+ Khả năng thanh toán nợ đến hạn năm 2023 là 1,244 lần lớn hơn 1 (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 27.581 triệu đồng/22.158 triệu đồng).

- Thực hiện chế độ tiền lương năm 2023.

+ Tổng số người quản lý: 5 người. Tổng số tiền lương đã chi trả là: 1.257.000.000 đồng.

+ Tổng số người lao động: 128 người. Tổng số tiền lương đã chi trả là: 8.676.780.000 đồng.

3. Tình hình sản xuất và tình hình tài chính

- Về sản lượng sản xuất: Không có

- Tình hình tài chính: Công ty hoạt động công ích, thực hiện ký hợp đồng đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Cụ thể tổng doanh thu: 78.682 triệu đồng; tổng chi phí thực hiện 78.738 triệu đồng (trong đó doanh thu ký hợp đồng đặt hàng là 78.682 triệu, doanh thu hoạt động tài chính là: 56 triệu đồng) đạt 101,93% so với cùng kỳ năm trước (Năm 2022 là 77.191 triệu đồng), đạt 108,39% so với cùng kỳ năm 2021 (Năm 2021 là 72.590 triệu đồng).

- Hoạt động sản xuất kinh doanh: Từ năm 2019 đến nay, Công ty tập trung nhiệm vụ công ích, quản lý vốn đầu tư sửa chữa lớn công trình thủy lợi nên không có chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Phần doanh thu hoạt động tài chính của Công ty 33 triệu đồng phát sinh từ tiền lãi nguồn vốn kinh doanh đã trích khấu hao từ các năm trước để lại, số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp cũng phát sinh từ tiền lãi nguồn vốn kinh doanh đã trích khấu hao từ các năm trước để lại.

(Đính kèm biểu 02.C Theo Thông tư 200/2015/TT-BTC)

- Hoạt động công ích: Khối lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm đạt 264.351 ha đạt 100,44% kế hoạch giao năm 2023 (KH 263.200 ha)

(Đính kèm biểu 02.D Theo Thông tư 200/2015/TT-BTC)

- Phân tích lưu chuyển tiền tệ:

+ Dòng tiền thu vào trong năm: Là khoản tiền thu từ nguồn vốn ký hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Dòng tiền chi ra trong năm: Chủ yếu là các khoản chi trả cho người lao động, chi thi công các công trình sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên và sửa chữa đột xuất các công trình thủy lợi và các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp. Nhìn chung dòng tiền thu vào và chi ra của Công ty luôn ổn định, không có sự biến động về tình hình lưu chuyển tiền tệ.

4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

Lĩnh vực hoạt động của Công ty là hoạt động công ích. Phần thuế thu nhập doanh nghiệp 6,77 triệu đồng, chủ yếu phát sinh từ nguồn vốn trích khấu hao tài sản từ các năm trước để lại.

(Đính kèm biểu 02.E Theo Thông tư 200/2015/TT-BTC)

5. Tình hình chấp hành chế độ chính sách pháp luật:

- Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH ngày 26/11/2014, áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, Nghị định 87/2015/NĐ-CP ngày 6/10/2015 về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của DNNN và DN có vốn nhà nước, Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, Thông tư số 73/2018/TT-BTC/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước, Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn

thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Chế độ kế toán đang áp dụng: Theo hình thức chứng từ ghi sổ.

- Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2023: Thực hiện Công văn số 416/STC-NS ngày 23/02/2024 của Giám đốc Sở Tài chính về việc thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước. Công ty đã thực hiện xong các nội dung theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, như sau:

+ Về kiến nghị xử lý tài chính: Công ty đã thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền 150.269.000đ.

+ Chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong công tác quản lý, sử dụng tài sản: Công ty xin rút kinh nghiệm những nội dung kiểm toán đã chỉ ra và sẽ khắc phục trong thời gian tới.

+ Kiểm điểm rút kinh nghiệm và xem xét xử lý theo quy định: Công ty đã tổ chức cuộc họp kiểm điểm rút kinh nghiệm tập thể phòng Kế hoạch – Kỹ thuật

- Tình hình thực hiện báo cáo tài chính: Công ty thực hiện nộp đầy đủ các báo cáo tài chính đúng theo quy định.

- Tình hình thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: đã nộp đủ tiền thuế sử dụng đất năm 2023 với số tiền: 51.233.048đ.

- Trong quá trình hoạt động, Công ty đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung các nội quy, quy chế để nâng cao hiệu quả trong việc chấp hành các chế độ, chính sách quản lý tài chính của Công ty.

Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh báo cáo. *Ph*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, TCKT.



Lê Phước Dũng

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Cùng kỳ 2021		Cùng kỳ 2022		Năm 2023		Biến động so với (%)				Kế hoạch	
	Công ích	Kinh doanh	Công ích	Kinh doanh	Kế hoạch	Thực hiện		Năm 2021		Năm 2022		
						CI	KD	CI	KD	CI		KD
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh												
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu												
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu												
3. Tôn kho cuối kỳ												
B. Chỉ tiêu tài chính												
1. DT thuần bán hàng và CC dịch vụ	72.590	8.912	77.191		87.800	78.682						
4. Giá vốn hàng bán	54.998		59.353			56.919						
5. LN gộp về bán hàng và CC dịch vụ	17.592	6.683	17.838			21.762						
6. Doanh thu hoạt động tài chính	47	4.8	50.000	29,36		56	34					
7. Chi phí tài chính												
8. Chi phí bán hàng												
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.639	4,8	17.888	28,59		21.818						
10. Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh												
11. Thu nhập khác												
12. Chi phí khác												
13. Lợi nhuận khác												
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế												
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành							33,85					
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							6,770					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN							27,08					

Trà Vinh ngày 15 tháng 1 năm 2024



Lê Phước Dũng

A. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách năm 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

Chi tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế				
- Thuế GTGT				
- Thuế TNDN		6,770	6,770	
- Thuế xuất, nhập khẩu				
- Các loại thuế khác				
2. Các khoản phải nộp khác				
- Phí, lệ phí				
- Các khoản phải nộp khác				
3. Nộp ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ				

B. Tình hình trích lập và sử dụng các quỹ năm 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

Chi tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	65,182			65,182
2. Quỹ khen thưởng	103,278	1.018,065	465,289	656,054
Quỹ phúc lợi	-544,186	955,219	371,398	39,635
3. Quỹ thưởng VCQLDN	-90,829	249,079		158,250
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN				
5. Quỹ đặc thù khác(nếu có)				

Trà Vinh, ngày 15 tháng 4 năm 2024

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
QUẢN LÝ KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
TRÀ VINH

M.S.D.N: 2100234245 - C.T.T.N.H

Lê Phước Dũng

CTY TNHH MTV QUẢN LÝ
KHAI THÁC CT THỦY LỢI TRÀ VINH

Biểu 02.D

Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích năm 2023
(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so KH (%)	Tỷ lệ so cùng kỳ năm trước (%)
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm (ha)	263.200	264.351	100,44%	100,13%
2. Chi phí phát sinh liên quan đến sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm (triệu đồng)	87.800	78.737	89,68%	101,93%
3. Doanh thu thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm (triệu đồng)	87.800	78.737	89,68%	101,93%

Trà Vinh, ngày 15 tháng 4 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Lê Phước Dũng